CÔNG TY CỔ PHẦN **KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /2019/NQ- HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số: 03 /2019/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ngày 09 tháng 04 năm 2019;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Thời gian: 08h00 ngày 25 tháng 4 năm 2019
- Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2: Thông qua Bộ tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 3: Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS;
- CVP; PKT; TKCT;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trân trọng thông báo tới Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

1. **Thời gian tổ chức Đại hội**: Khai mạc hồi 08h00 ngày 25 tháng 4 năm 2019

2. **Địa điểm tổ chức Đại hội**: Khách sạn Núi Hoa (Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).

3. **Đối tượng tham dự**: Cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (mã BKC) tại thời điểm chốt danh sách ngày 29 tháng 3 năm 2019.

4. **Nội dung họp:** Có Chương trình họp kèm theo.

5. **Tài liệu họp:** Chi tiết vui lòng xem trên website: backanco.com.

**** Lưu ý:***

- Công ty sẽ gửi Thư mời họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đến địa chỉ của toàn thể Quý cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 29/3/2019 theo thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông không nhận được Thư mời họp.

- Người tham dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo Thư mời họp và bản chính CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu. Trường hợp được ủy quyền dự họp, đề nghị người đại diện cổ đông mang thêm bản chính Giấy uỷ quyền hợp lệ và bản sao CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN của cổ đông ủy quyền.

Trân trọng.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - UBCKNN; - Sở GDCK Hà Nội; - HĐQT; BKS; - BTGĐ; - CVP; TKCT; - Lưu: VP.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH HĐQT** **Vũ Phi Hổ**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Mã số doanh nghiệp: 4700149595
Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: 0209.3812399 Website: backanco.com Email:bkc@backanco.com

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian: Khai mạc lúc 08h00 ngày 25 tháng 4 năm 2019
Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa - Tổ 4, phường Đức Xuân, Tp.Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	- Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu	BTC
02	08h00-08h30	- Ổn định và chào cờ - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	BTC
		- Thông qua quy chế làm việc của Đại hội	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội. - Bầu Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự Đại hội	Chủ tịch HĐQT
03	08h30-11h30	**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI**	
		1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Thảo luận và biểu quyết	Tổng Giám đốc
		2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		4. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		6. Thông qua Tờ trình về Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2018 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng

		7. Thông qua Tờ trình Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng ban kiểm soát
		8. Các nội dung khác do Đại hội quyết định	Chủ tịch HĐQT
04	11h30-11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Thảo luận và biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT Thư ký Đại hội
05	11h45	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;*

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ ăn mặc chỉnh tề.

2. Cổ đông khi vào phòng họp ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.

4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.

5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

1.1. Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 29/3/2019 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự họp ĐHĐCĐ.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.

- CMND/Căn cước công dân/hộ chiếu (bản chính).

- Bản chính Giấy ủy quyền và bản sao CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/GCNĐKDN của người ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ).

(*Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký tên bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).*

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên cổ đông, mã số tham dự Đại hội (*do Ban tổ chức gán cho mỗi cổ đông*) và số phiếu biểu quyết (*bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông tại ngày 29/3/2019 - ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2019*).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

c. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa; phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ công ty.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc họp.

g. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay; sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tọa.

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được

người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Giới thiệu Ban thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu đại hội và trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

- Giải quyết các khiếu nại về ĐHĐCĐ (nếu có).

2.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 ngày kể từ ngày được mời dự họp chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự cuộc họp;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra giấy tờ, công nhận người đến dự họp hợp lệ; phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho người đến dự họp; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa,

gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;

- Soạn thảo, hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

5.1. Ban kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung;

- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu.

- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả biểu quyết của các cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

III. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Nguyên tắc và cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại chương trình ĐHĐCĐ.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn).

3. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (*theo thứ tự "Đồng ý", "Không đồng ý", "Không có ý kiến"*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và

tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức.

4. Thể lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Đối với các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp của ĐHĐCĐ.

2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-TGĐ	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ("Công ty"), Tổng giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty ("ĐHĐCĐ") về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

I. Đặc điểm tình hình năm 2018

1. Đánh giá chung:

- Năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra tương đối ổn định nhưng do gặp một số khó khăn về thị trường, giá cả đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch đề ra.

- Chính sách thắt chặt quản lý của Nhà nước và địa phương trong lĩnh vực khai khoáng có tác động tới hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến tiến độ của một số dự án Công ty đang triển khai như Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít, mỏ Nà Duồng, mỏ Bó Nặm.

- Công ty đã chú trọng cải thiện môi trường làm việc và thu nhập cho người lao động; đời sống người lao động được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần.

2. Thuận lợi và khó khăn:

2.1. Thuận lợi:

Ban lãnh đạo có chủ trương, định hướng đúng, quyết tâm cao, chỉ đạo quyết liệt, sát sao với cơ sở; nội bộ Công ty đoàn kết; người lao động tích cực trong lao động sản xuất.

2.2. Khó khăn:

- Chưa có thêm mỏ để khai thác trong khi mỏ cũ khai thác trong điều kiện khó khăn, sản lượng ít, hàm lượng thấp dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Giá bán kim loại giảm dẫn đến hàng khó tiêu thụ, tồn kho tăng.

- Cơ chế, chính sách của Nhà nước ngày càng thắt chặt, còn nhiều bất cập, mang tính cục bộ địa phương; thủ tục hành chính còn rườm rà, chồng chéo dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc triển khai các dự án đầu tư.

- Khan hiếm, thiếu hụt lao động (cả lao động phổ thông lẫn lao động có trình độ, tay nghề cao); nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật, quy định Công ty của người lao động còn hạn chế.

II. Những kết quả đạt được

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2018 hoạt động khai thác mỏ diễn ra tương đối ổn định. Tuy nhiên bên cạnh đó có một số dự án vẫn chưa đi vào hoạt động theo đúng tiến độ đề ra như: Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít, mỏ Nà Duồng. Nhà máy luyện chì vẫn hoạt động cầm chừng do trình độ chuyên môn kỹ thuật chưa đáp ứng ứng được theo yêu cầu của công nghệ, cụ thể : tỷ lệ thu hồi, tỷ lệ thất thoát ra xỉ, tỷ lệ thất thoát ra khói còn cao chưa đạt được kỳ vọng của mình.

- Cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện; trang thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục được cơ giới hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên.

- Công ty đã thu hút được đội ngũ lực lượng lao động đông đảo cả trong và ngoài tỉnh Bắc Kạn, góp phần giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội, đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng thu ngân sách cho địa phương.

- Năm 2018 đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực khai thác được 29.355 tấn quặng nguyên khai, vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên do hàm lượng kim loại trong quặng thấp, nhà máy luyện chì chỉ hoạt được 10 tháng đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về tinh quặng chì, chì kim loại và tinh quặng kẽm. Đồng thời trong năm 2018 giá bán kim loại giảm, hàng khó tiêu thụ, tồn kho tăng, giá vốn hàng bán công ty con tăng cao nên doanh thu và lợi nhuận không đạt theo kế hoạch.

Những kết quả đạt được trong năm 2018 cụ thể như sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	23.650	29.355	124,64
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn		5.689	
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.100	3.903	95,19
	- Chì kim loại (hàm lượng ≥ 97%)	Tấn	4.800	3.100	64,58
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn		4.332	

	- Chì kim loại (hàm lượng ≥ 97%)	Tấn		2.165	
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	310	180,63	58,27
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	9,36	-8,99	
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,74	22,72	79,05
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng		5,46	
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng		7,4	
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	53,4	9,15	17,13

Bảng 2 : Chi tiết các khoản nộp ngân sách nhà nước năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2017	Phát sinh trong kỳ năm 2018		Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2018
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT phải nộp	2.545.730.839	4.928.519.701	7.474.250.540	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.371.662	6.709.734	6.709.734	21.371.662
3	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	1.632.849.231	4.198.970.940	1.184.256.349	4.647.563.822
4	Thuế tài nguyên		8.564.244.590	7.165.022.648	1.399.221.942
5	Phí bảo vệ môi trường		6.312.120.584	5.251.285.350	1.060.835.234
6	Thuế thu nhập cá nhân	60.379.056	962.941.204	639.145.786	384.174.474
7	Tiền thuê đất		632.242.167	632.242.167	
8	Các loại thế, phí khác	347.544.000	363.364.301	363.364.301	347.544.000
Tổng cộng		**4.607.874.788**	**25.969.113.221**	**22.716.276.875**	**7.860.711.134**

Bảng 3: Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2018

Stt	Chí phí đầu đầu tư	Giá trị (VNĐ)
1	Mỏ Nà Bốp- Pù Sáp	1.718.341.956
2	Dự án luyện chì	1.205.942.816
3	Dự án Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít	6.225.604.357
Tổng cộng		**9.149.889.129**

2. Công tác nhân sự

2.1. Ban điều hành Công ty

Hiện nay Ban điều hành gồm 04 thành viên cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Đinh Văn Hiến	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/11/2018
2.	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3.	Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4.	Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/4/2018

2.2. Các quyết định quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty

- Trên cơ sở về tổ chức bộ máy, nhân sự và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập, trong năm 2018 không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức.
- Về nhân sự cấp cao trong năm 2018: Hội đồng quản trị đã nhất trí thông qua đơn từ nhiệm Tổng giám đốc của ông Vũ Phi Hổ, đồng thời bổ nhiệm ông Đinh Văn Hiến giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 03/11/2018. Hội đồng quản trị cũng đã bổ nhiệm ông Trần Văn Quyền giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc và đồng ý đơn từ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc của ông Nguyễn Tiến Biền.
- Trong năm 2018, Tổng giám đốc đã bổ nhiệm một số trưởng, phó các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

2.3. Tổng số lao động toàn Công ty năm 2018

Tổng số lao động của toàn công ty là gần 800 người, trong đó công ty con hơn 200 người.

2.4. Công tác đào tạo

Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện các khóa đào tạo, huấn luyện liên quan đến vật liệu nổ, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư

3.1. Hoạt động khai thác năm 2018

- Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng khai thác đạt 27.705 tấn quặng.
- Mỏ Lũng Váng sản lượng đạt 1.650 tấn quặng.
- Mỏ Phú Đô: Đã bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.
- Mỏ nước khoáng AVA: Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý trình Tổng cục địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp giấy phép khai thác.

3.2. Hoạt động sản xuất, chế biến

- Nhà máy luyện chì: Nhà máy hoạt động ổn định từ đầu năm đến ngày 02/10/2018 thì tạm dừng do một số yếu tố như: Bảo dưỡng lại hệ thống xử lý môi trường, kỹ thuật... Sản lượng sản xuất đạt 3.100,67 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb ≥ 97%).

- Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít: Đã cải tạo sửa, chữa xong; đang hoàn thiện thủ tục về đầu tư, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải nguy hại.

- Sản xuất, kinh doanh đồ uống: Nhà máy CBRQ-NGK Bắc Kạn chỉ duy trì sản xuất nước đóng bình nhựa 20 lít để phục vụ văn phòng và bán ở thị trường thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Đồn.

3.3. Hoạt động thăm dò

- Mỏ Bó Nặm: Ngày 11/01/2019 đã được cấp giấy phép thăm dò và công ty đang triển khai các thủ tục pháp lý sau giấy phép để sớm triển khai việc thăm dò.

- Mỏ Nà Duồng: Ngày 04/04/2019 UBND tỉnh Bắc Kạn đã có quyết định phê duyệt trữ lượng và công ty đang đề nghị đưa về phân tán, nhỏ lẻ.

3.4. Hoạt động đầu tư khác

Năm 2018 Công ty không có hoạt động đầu tư ra bên ngoài.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Về khai thác khoáng sản

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp – Pù Sáp đạt sản lượng 26.000 tấn quặng/năm.

- Khai thác mỏ Lũng Váng đạt công suất được cấp phép 1.650 tấn quặng/năm. Hoàn thiện công tác thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ theo quy định để nâng công suất khai thác lên khoảng 17.000 tấn quặng/năm.

- Mỏ Nà Duồng: Phê duyệt trữ lượng, đưa mỏ vào quy hoạch phân tán nhỏ lẻ và xin cấp phép khai thác, dự kiến công suất khai thác 10.000 tấn quặng/năm, sẽ sớm đưa mỏ vào hoạt động.

- Tiến hành thăm dò mỏ chì kẽm Bó Nặm theo giấy phép đã được cấp.

- Tiếp tục xin cấp phép mỏ nước khoáng AVA.

2. Về chế biến khoáng sản

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Lũng Váng theo công suất được cấp phép khai thác và mỏ Nà Duồng, mỏ Bó Nặm (sau khi được cấp phép khai thác).

- Phấn đấu vận hành nhà máy luyện chì đạt sản lượng 4.200 tấn/năm.

- Đưa Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít đi vào hoạt động với 1/2 công suất đạt 15.000 tấn sản phẩm.

- Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn: Sẽ thực hiện thủ tục xin gia hạn và các thủ tục pháp lý khác do trong năm 2019 Giấy chứng nhận đầu tư hết hạn.

- Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường nhà máy luyện chì; hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đưa bãi chứa thải mới của xưởng tuyển nổi đi vào hoạt động.

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với dự án tái chế chì phế liệu và xử lý bùn dương cực để cung cấp thêm nguyên liệu cho nhà máy luyện chì.

3. Các hoạt động khác

- Đầu tư xây tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái nguyên với quy mô 10 tầng nổi, 01 tầng bán hầm, 01 tầng tum trên diện tích khu đất 237,4m2.

- Tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.

4. Các chỉ tiêu chính năm 2019.

Bảng 5: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	So sánh với kế hoạch năm 2018 (%)
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	27.650	116,9
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến			
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.600	
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.100	100
	- Chì kim loại (hàm lượng ≥ 97%)	Tấn	4.200	87,5
3	Khối lượng hàng hóa xuất bán			
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.500	
	- Chì kim loại (hàm lượng ≥ 97%)	Tấn	4.500	
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	268,50	86,6
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	12	128
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28	97,4
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5.5	
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7.4	
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	**117, 26**	219,6

4.3. Nhu cầu vốn năm 2019

Bảng 6: Nhu cầu vốn cho các dự án của Công ty năm 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Thành tiền	Ghi chú
1	Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	3,5	Sử dụng vốn tự có của DN
2	Mỏ Nà Duồng	3	Sử dụng vốn tự có của DN
3	Mỏ Bó Nặm	10	Sử dụng vốn tự có của DN
4	Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít	20,6	Sử dụng vốn tự có của DN
5	Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường NM luyện chì và tuyển nổi	16,5	Sử dụng vốn tự có của DN
	- Nhà chứa xỉ thải, nguyên liệu	4	
	- Hệ thống phối trộn nguyên liệu luyện chì	1,5	
	- Xử lý khói khí nhà máy luyện chì	6	
	- Hồ chứa đuôi thải xưởng tuyển	5	Sử dụng vốn tự có của DN
6	Xử lý ắc quy chì phế thải	12	Sử dụng vốn tự có của DN
7	Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Công ty TNHH Việt Trung	7,5	Sử dụng vốn tự có của DN
8	Xây tòa nhà văn phòng ở Thái Nguyên	27,66	Sử dụng vốn tự có của DN
	Tổng cộng	**117,26**	

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGĐ;
- BKS;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC – HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2019*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Thay mặt Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2018, kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2019 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

1. Nhân sự của Hội đồng quản trị

Bảng 1: Danh sách nhân sự Hội đồng quản trị

Stt	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
3.	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên
4.	Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
5.	Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên

2. Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2018 và các quyết định được ban hành.

2.1 Các cuộc họp

- Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp và xin ý kiến bằng email để xem xét, thảo luận và thông qua các quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các buổi họp và những lần xin ý kiến bằng email đều được chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với Điều lệ, các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2.2. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong năm 2018:

Bảng 2: Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	02/NQ- HĐQT	05/02/2018	Thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh

			doanh năm 2018
2.	03/2018/NQ- HĐQT	09/04/2018	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3.	11/2018/NQ- HĐQT	11/04/2018	Bổ nhiệm ông Trần Văn Quyền giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.
4.	12/2018/QĐ- HĐQT	03/05/2018	Tạm dừng hoạt động chi nhánh công ty tại Hà Nội.
5.	13/2018/NQ- HĐQT	23/05/2018	Tham dự Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cổ phần Bến xe Nghệ An.
6.	14/2018/QĐ- HĐQT	20/06/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án tòa nhà văn phòng cho thuê kết hợp ở tại thành phố Thái Nguyên.
7.	15/2018/NQ- HĐQT	22/08/2018	Phê chuẩn việc ký kết Hợp đồng bán chì thỏi.
8.	20/2018/QĐ-HĐQT	03/11/2018	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc.
9.	21/2018/QĐ-HĐQT	03/11/2018	Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc.
10.	22/2018/NQ-HĐQT	03/11/2018	Chỉ định người đại diện giao dịch với ngân hàng.
11.	23/2018/NQ-HĐQT	05/11/2018	Cử người điều hành tại Công ty TNHH Việt Trung và phê chuẩn việc mua bán quặng với Công ty TNHH Việt Trung
12.	25/2018/NQ-HĐQT	12/12/2018	Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Tiến Biền
13.	27/2018/NQ- HĐQT	29/12/2018	Thông qua Thang, bảng lương áp dụng từ 01/01/2019

Bên cạnh đó HĐQT đã lập báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 1 năm và công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT

3.1. Giám sát, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Với vai trò và trách nhiệm tuyệt đối trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của các cổ đông và của Công ty, HĐQT đã tuân thủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

3.2. Giám sát Tổng giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý.

- Thực hiện các quy định tại Điều lệ, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc và Ban

điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh; báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung cần trình HĐQT xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền. Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng, Hội đồng quản trị đã nhất trí thông qua đơn từ nhiệm Tổng giám đốc của ông Vũ Phi Hổ, đồng thời bổ nhiệm ông Đinh Văn Hiến giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 03/11/2018.

- Đồng thời trong năm 2018 Hội đồng quản trị cũng đã bổ nhiệm ông Trần Văn Quyền giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc và đồng ý đơn từ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc của ông Nguyễn Tiến Biền.

3.3. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Bảng 3: Chỉ tiêu sản xuất và kết quả thực hiện năm 2018 .

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (tấn)	Kết quả thực hiện 2018 (tấn)
1	Khai thác quặng nguyên khai	23.650	29.355
2	Chì kim loại (≥98%Pb)	4.800	3.100
3	Tinh quặng kẽm	4.100	3.903

Bảng 4: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận hợp nhất và kết quả thực hiện năm 2018.

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện 2018 (Tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	310	180,63
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9,36	-8,99

- Trong năm 2018 các mỏ Nà Bốp - Pù Sáp và Lũng Váng (Công ty TNHH Việt Trung) mặc dù điều kiện khai thác khó khăn nhưng cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực khai thác được hơn 29.355 tấn quặng, vượt kế hoạch đề ra. Đối với nhà máy luyện chì hoạt động ổn định từ đầu năm đến ngày 02/10/2018 thì tạm dừng do thiếu nguyên liệu, khắc phục hệ thống khí thải và nghiên cứu điều chỉnh để tăng tỷ lệ thu hồi chì kim loại tránh thất thoát, lãng phí. Do vậy chỉ sản xuất được 3.100 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb ≥ 97%).

- Do ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, trong năm 2018 công ty gặp khó khăn trong việc bán hàng cả về chì kim loại lẫn tinh quặng kẽm (giá bán thấp, ít đối tác mua), giá trị hàng tồn kho tăng cao dẫn tới doanh thu không đạt. Bên cạnh đó, do giá vốn hàng bán công ty con tăng cao nên lợi nhuận hợp nhất không đạt kế hoạch (lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 15,7 tỷ đồng).

4. Mức chi thù lao HĐQT năm 2018:

Mức chi thù lao HĐQT năm 2018 mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã phê duyệt như sau:

Bảng 5: Thù lao HĐQT năm 2018

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	35.000.000	12	420.000.000
1	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				**900.000.000**

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

1. Tăng cường hoạt động giám sát, đảm bảo Công ty hoạt động đúng pháp luật, Điều lệ.

2. Phối hợp với Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trình ĐHĐCĐ thông qua và giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Trong năm 2019 sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án sản xuất bột kẽm ôxít, tái chế ắc quy chì, hồ thải mới cho xưởng tuyển, mỏ chì kẽm Bó Nặm và Nà Duồng, dự án tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên và tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.

3. Tăng cường hỗ trợ Ban điều hành để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ, HĐQT giao. Trong từng năm Hội đồng quản trị sẽ quyết định hạn mức vay, bảo lãnh, bảo đảm, thế chấp, bồi thường và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện trong hạn mức đã được phê duyệt. *(Trong năm 2019 HĐQT đã quyết định hạn mức vay, hạn mức bảo lãnh, bảo đảm, thế chấp và bồi thường để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty năm 2019 không vượt quá 150 tỷ đồng và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các giao dịch trong các hạn mức trên).*

4. Đẩy mạnh công tác giám sát, đôn đốc Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự theo đề nghị của Ban điều hành trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS:
- BTGĐ;
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN **BAN KIỂM SOÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨE VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ("BKS") báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 như sau:

I. Tình hình chung

Năm 2018 hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến chì, kẽm. Sản lượng quặng khai thác tuy chưa đạt công suất theo giấy phép nhưng đã vượt chỉ tiêu kế hoạch. Do hàm lượng kim loại trong quặng còn thấp đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về tinh quặng chì, chì kim loại và tinh quặng kẽm. Nguyên liệu đầu vào từ các mỏ của công ty chỉ mới đáp ứng được khoảng 60% công suất của các nhà máy chế biến.

Do gặp khó khăn trong tiêu thụ chì kim loại và tinh quặng kẽm (giá thấp, các đối tác mua cầm chừng) nên năm 2018 các chỉ tiêu về doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận không đạt được theo kế hoạch. Tuy vậy, hoạt động sản xuất của Công ty vẫn được duy trì, đảm bảo được việc làm, thu nhập cho người lao động. Thu nhập của khối công nhân trực tiếp sản xuất được cải thiện. Trình độ, tay nghề, ý thức của người lao động được nâng lên. Hoạt động khai thác vẫn từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa, tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững. Công tác tổ chức nhân sự tiếp tục được kiện toàn.

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động BKS trong năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2018; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT'), Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; xem xét thẩm định báo cáo tài chính 2017 đã được kiểm toán; đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bảng 1: Chỉ tiêu sản xuất và kết quả thực hiện năm 2018

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (tấn)	Kết quả thực hiện 2018 (tấn)
1	Khai thác quặng nguyên khai	23.650	29.355
2	Chì kim loại (≥98%Pb)	4.800	3.100
3	Tinh quặng kẽm	4.100	3.903

Bảng 2. Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận hợp nhất và kết quả thực hiện năm 2018

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện 2018 (Tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	310	180,63
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9,36	-8,99

Qua các chỉ tiêu trên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gần như không đạt được kế hoạch đề ra. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận, công ty lỗ gần 9 tỷ. Tuy nhiên, khi xem xét tại báo cáo tài chính riêng cho thấy công ty mẹ lãi trước thuế gần 20 tỷ và phải nộp thuế TNDN hơn 4 tỷ đồng. Hơn nữa, tại thời điểm cuối năm Công ty có lượng hàng tồn kho trị giá hơn 122 tỷ đồng. Nếu bán lượng hàng hóa này thì các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trong năm 2018 công ty hoàn toàn có thể đạt được. Tuy nhiên ban điều hành đã quyết định không bán lúc này vì giá kim loại thị trường thế giới xuống thấp. Nếu bán lúc này chính là bán rẻ tài nguyên và công sức lao động của tập thể cán bộ công nhân công ty. Vì mục tiêu phát triển bền vững, lâu dài và vì lợi ích của các cổ đông nên ban điều hành quyết định tiếp tục chờ giá cao và sẽ bán vào một thời điểm thích hợp.

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2018

2.1. Dự án khai thác mỏ chì, kẽm Nà Bốp - Pù Sáp

Dự án tiếp tục triển khai theo đúng giấy phép cấp mỏ và tổ chức sản xuất khai thác ổn định để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến hoạt động. Tuy nhiên, do điều kiện địa chất biến đổi, mưa nhiều nên công tác khai thác gặp nhiều khó khăn, ngày càng phải khai thác ở độ sâu lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro; sản lượng ít, không ổn định và chất lượng quặng không cao dẫn đến không đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hoạt động.

2.2. Công ty TNHH Việt Trung

Công ty tiếp tục đầu tư cho sản xuất, đã cung cấp sản phẩm đều đặn cho xưởng tuyển nổi.

2.3. Dây chuyền tuyển nổi quặng chì, kẽm sunfua (Xưởng tuyển nổi)

Công ty vẫn đang thực hiện hợp đồng cho thuê mặt bằng nhà xưởng (xưởng tuyển nổi) với đối tác là Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã chế biến tinh quặng chì cung cấp cho Nhà máy Luyện chì và tinh quặng kẽm. Tuy vậy hiện thị trường tiêu thụ tinh quặng kẽm vẫn đang yếu.

2.4. Dự án Nhà máy luyện chì

Trong năm 2018 nhà máy luyện chì hoạt động không liên tục do thiếu nguyên liệu, phải khắc phục hệ thống khí thải và nghiên cứu điều chỉnh để tăng tỷ lệ thu hồi chì kim loại tránh thất thoát, lãng phí. Việc nhà máy luyện chì hoạt động không liên tục đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, công nhân lao động phải nghỉ chờ việc, thiếu sản phẩm cung cấp ra thị trường.

2.5. Một số dự án khác

- Dự án cải tạo, sửa chữa, khôi phục Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít: đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

- Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn: Đang chạy thử nghiệm, hiệu chỉnh, nghiên cứu công nghệ.

- Dự án mỏ Phú Đô: Đã thực hiện xong công tác đóng cửa mỏ, bàn giao đất theo quy định.

- Dự án mỏ Bó Nặm: Trong năm 2018 hoàn thiện các thủ tục pháp lý cấp giấy phép thăm dò. *(Hiện nay công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý sau khi được UBND tỉnh Bắc Kạn cấp giấy phép thăm dò để sớm triển khai việc thăm dò).*

- Dự án mỏ Nà Duồng: Hoàn thiện hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trình thẩm định phê duyệt trữ lượng. *(Ngày 04/04/2019 UBND tỉnh Bắc Kạn đã có quyết định phê duyệt trữ lượng và công ty đang làm thủ tục đề nghị đưa về phân tán, nhỏ lẻ).*

- Dự án Nhà máy nước khoáng AVA: Vẫn đang tạm dừng sản xuất, hoàn thiện thủ tục xin cấp mỏ.

- Dự án Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn: Tiếp tục dừng sản xuất rượu, chỉ duy trì sản xuất nước đóng bình nhựa 20 lít cung cấp cho văn phòng công ty và bán ra thị trường khu vực thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Đồn.

III. Tình hình tài chính đến 31/12/2018

Trên cơ sở bản Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số kết quả tài chính tính đến thời điểm 31/12/2018 như sau:

Bảng 3. Một số chỉ số kết quả tài chính tính đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018 (đồng)	Tại ngày 31/12/2017 (đồng)
1. Tổng tài sản	**295.358.356.821**	**266.684.576.678**
Trong đó:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	315.858.096	16.123.152.597
- Các khoản phải thu ngắn hạn	23.204.313.514	27.910.067.070
- Hàng tồn kho	122.124.865.705	56.726.901.462
- Tài sản ngắn hạn khác	3.426.082.588	11.662.228.860
- Các khoản phải thu dài hạn	2.258.075.980	1.538.317.663
- Tài sản cố định	90.497.433.126	107.650.794.299
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.949.581.300	23.516.976.738
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.498.016.075	14.752.365.200
- Tài sản dài hạn khác	17.084.130.437	6.803.772.789
2. Tổng nguồn vốn	**295.358.356.821**	**266.684.576.678**
Trong đó:		
- Nợ phải trả ngắn hạn	150.627.746.908	112.143.399.274
- Nợ phải trả dài hạn	2.575.500.000	3.389.875.000

- Vốn góp của chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190
- Các quỹ khác	15.574.071.618	15.574.071.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.996.192.491)	3.003.611.439

IV. Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban tổng giám đốc

1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

1.1. Đối với HĐQT

- HĐQT Công ty gồm 05 thành viên. Trong năm 2018, BKS tham dự 100% các cuộc họp của HĐQT. Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.
- Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

1.2. Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

- Đã tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty đại chúng;
- Đã nghiên cứu và áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản trị doanh nghiệp và quản lý vật tư nguyên, nhiên vật liệu;
- Đã triển khai các giải pháp để đưa Công ty vượt qua khó khăn, thách thức đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính theo đúng quy định.
- Thực hiện nghiêm túc việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm đúng quy định đối với Công ty đại chúng.
- Các chế độ chính sách của người lao động được đảm bảo và từng bước được cải thiện, nâng cao.
- Người lao động được Công ty đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc; được trả tiền lương, tiền công đúng thời hạn, phù hợp với tình hình thực tiễn.

1.3. Đối với cổ đông

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. Trong năm BKS cũng không nhận

được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và Cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2018, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 xem xét và cho ý kiến.

Cuối cùng xin chúc quý vị Đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm 2019.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGĐ;
- CVP, TKCT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN **BAN KIỂM SOÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨE VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2019

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Ban kiểm soát ("BKS") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2019 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

BKS đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát:

BKS đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán đáp ứng các tiêu chí nêu tại mục 1 để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2019 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Nơi nhận: - ĐHĐCĐ; - HĐQT, BKS; - Ban TGĐ; - CVP, TKCT; - Lưu: BKS.	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN** **Nguyễn Thế Phòng**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr – HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2019*

TỜ TRÌNH
V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2018
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;*
- *Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 như sau:

1. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018:

- Trong năm 2018 lợi nhuận đã không đạt như kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 lỗ: 8.996.192.491 đồng **.**
- Dự kiến sẽ được bù lỗ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019.

2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 lãi: 12.000.000.000 đồng.

Dự kiến kế hoạch phân phối

- Bù lỗ năm 2018 là: 8.996.192.491 đồng.
- Số còn lại sau khi bù lỗ bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Trên đây là tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- ĐHĐCĐ;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT; BKS;	
- BTGĐ	
- VP, TKCT;	
- Lưu: VT.	
	Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr – HĐQT	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2018 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tờ trình về việc Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2018 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019 như sau:

I. Thù lao Hội đồng quản trị:

1. Tổng mức thù lao HĐQT năm 2018 là: 900.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	35.000.000	12	420.000.000
1	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				**900.000.000**

2. Đề xuất thù lao HĐQT năm 2019 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2019		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	50.000.000	12	600.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				**1.080.000.000**

II. Thù lao của Ban kiểm soát:

1. Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2018: 120.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				**120.000.000**

2. Đề xuất mức thù lao Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2019		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				**120.000.000**

III. Thù lao của Thư ký công ty

3.1. Tổng thù lao Thư ký công ty năm 2018: 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng/tháng)

3.2. Đề xuất mức thù lao Thư ký công ty năm 2019: 3.000.000 đồng/tháng

Trên đây là nội dung tờ trình về việc báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2018 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- BTGĐ
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Phi Hổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /2019/NQ-ĐHĐCĐ	*Bắc Kạn, ngày 25 tháng 04 năm 2019*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019.
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.
5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.
6. Tờ trình về báo cáo Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2018 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019.
7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2019.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận: - UBCKNN, Sở GDCKHN; - HĐQT, BTGĐ; - BKS; - TKCT; - Lưu VT.	**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **CHỦ TỌA ĐẠI HỘI** **Vũ Phi Hổ**

CPA VIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision

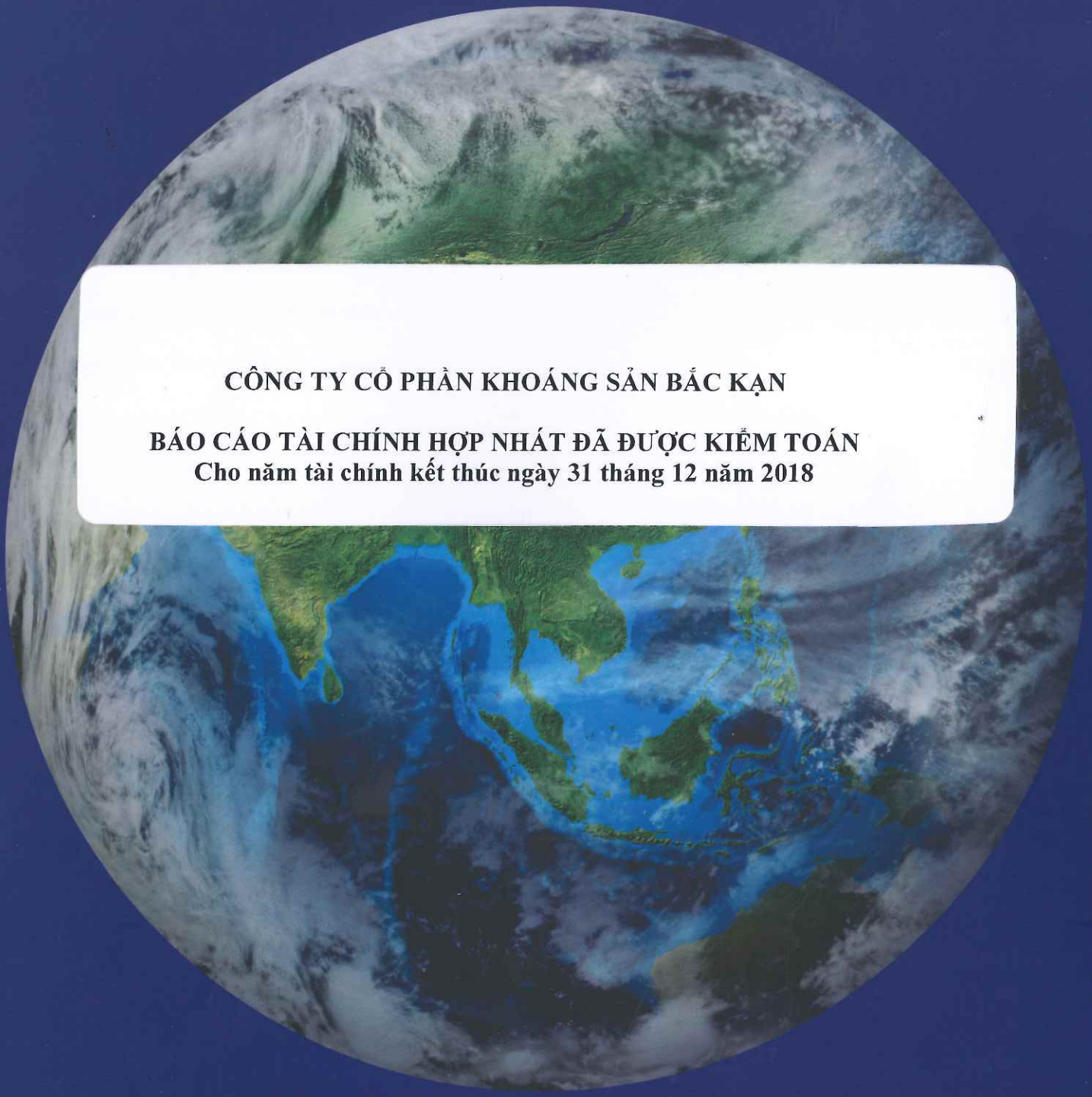

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MOORE STEPHENS
INTERNATIONAL LIMITED
A member of *Members in principal cities throughout the world*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bắc Kạn - Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Phi Hổ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 03/11/2018
	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 03/11/2018
	Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Tiến Biền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/12/2018
	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 11/4/2018

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
T. BẮC KẠN

Đinh Văn Hiến
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2019

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 329 /2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 28/03/2019 từ trang 05 đến trang 31 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào, nên chúng tôi không đủ cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào. Giá trị khoản đầu tư là 4.730.835.820 đồng và đã được Công ty dự phòng là 1.598.235.820 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

A member of MOORE STEPHENS INTERNATIONAL LIMITED Members in principal cities throughout the world

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết của một số khoản mục để đánh giá ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất như: (i) Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị là 4.781.813.044 đồng; và (ii) Công trình xây dựng cơ bản dở dang tồn đọng với giá trị 778.250.806 đồng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2018 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc. (i) Đã tham gia chứng kiến kiểm kê tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tuy nhiên một số mã hàng tồn kho là nguyên vật liệu của Công ty chưa thực hiện kiểm kê với giá trị 2.790.464.369 đồng; (ii) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận số dư công nợ của các khoản phải trả người bán với giá trị là 10.678.795.402 đồng (chiếm 56%), số dư phải trả khác chưa có đối chiếu xác nhận 5.194.520.412 (chiếm 34%). Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện tại.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Đinh Văn Thắng	**Nguyễn Thị Mai Hoa**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 02-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**149.071.119.903**	**112.422.349.989**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**315.858.096**	**16.123.152.597**
1. Tiền	111		315.858.096	16.123.152.597
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**23.204.313.514**	**27.910.067.070**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.296.086.395	27.902.974.709
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.770.579.059	2.255.960.615
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.380.655.057	3.292.821.971
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(5.243.006.997)	(5.541.690.225)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.5**	**122.124.865.705**	**56.726.901.462**
1. Hàng tồn kho	141		122.124.865.705	60.602.536.825
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.875.635.363)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.426.082.588**	**11.662.228.860**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.349.301.004	9.895.532.832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		780.930.234	989.197.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	295.851.350	777.498.302
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**146.287.236.918**	**154.262.226.689**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2.258.075.980**	**1.538.317.663**
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.258.075.980	1.538.317.663
II. Tài sản cố định	**220**		**90.497.433.126**	**107.650.794.299**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	89.935.248.935	106.915.684.133
- *Nguyên giá*	*222*		*193.577.621.004*	*193.993.044.606*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(103.642.372.069)*	*(87.077.360.473)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	562.184.191	735.110.166
- *Nguyên giá*	*228*		*2.213.482.799*	*2.213.482.799*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.651.298.608)*	*(1.478.372.633)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**19.949.581.300**	**23.516.976.738**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	19.949.581.300	23.516.976.738
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.10**	**16.498.016.075**	**14.752.365.200**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.132.600.000	3.132.600.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.365.416.075	13.365.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.745.650.875)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**17.084.130.437**	**6.803.772.789**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	17.084.130.437	6.803.772.789
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**295.358.356.821**	**266.684.576.678**

Mẫu B 02-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

		MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**153.203.246.908**	**115.533.274.274**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**150.627.746.908**	**112.143.399.274**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	22.618.185.754	19.141.322.385
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.137.736.688	637.775.688
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.860.711.134	4.607.874.788
4.	Phải trả người lao động	314		5.941.344.715	6.683.229.048
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	882.397.265	120.868.740
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	14.170.759.734	15.065.717.849
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	95.933.650.868	65.810.070.026
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.420.000	-
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.575.500.000**	**3.389.875.000**
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.14	18.000.000	18.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	2.557.500.000	3.371.875.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**142.155.109.913**	**151.151.302.404**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.16**	**142.155.109.913**	**151.151.302.404**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*117.377.280.000*	*117.377.280.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.849.136.895)	1.147.055.596
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*1.147.055.596*	*(1.856.555.843)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*(8.996.192.491)*	*3.003.611.439*
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**295.358.356.821**	**266.684.576.678**

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	180.630.891.660	182.920.006.383
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		180.630.891.660	182.920.006.383
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	170.167.022.079	155.362.350.030
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**10.463.869.581**	**27.557.656.353**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	92.154.678	18.395.499
7.	Chi phí tài chính	22	5.20	3.656.337.683	7.388.935.015
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.401.988.558*	*4.991.048.320*
8.	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	15.627.421.010	16.392.059.797
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}**	**30**		**(8.727.734.434)**	**3.795.057.040**
12.	Thu nhập khác	31	5.22	6.331.491.068	5.475.410.646
13.	Chi phí khác	32	5.22	2.400.978.185	5.035.790.093
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**5.22**	**3.930.512.883**	**439.620.553**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(4.797.221.551)**	**4.234.677.593**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	4.198.970.940	1.231.066.154
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(8.996.192.491)**	**3.003.611.439**
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(8.996.192.491)	3.003.611.439
18.2	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	(766,43)	255,89

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1		2	4	5
I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**	**(4.797.221.551)**	**4.234.677.593**
2	***Điều chỉnh cho các khoản***			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	18.760.579.807	10.955.053.720
	- Các khoản dự phòng	03	(5.919.969.466)	7.189.293.119
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(242.239.569)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.293.630.312)	4.991.048.320
	- Chi phí lãi vay	06	5.401.988.558	112.990.505
	- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**	**12.151.747.036**	**27.240.823.688**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.998.522.911	(2.161.104.276)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(61.522.328.880)	(11.548.242.382)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.346.052.201	(7.214.533.726)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.831.859.550	13.031.022.818
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.807.994.831)	(5.642.982.915)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.208.186.349)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(35.210.328.362)**	**13.704.983.207**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.546.268.240)	(14.936.669.062)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.141.935.308	483.636.364
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.628.800.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.154.678	18.395.499
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(10.312.178.254)**	**(18.063.437.199)**
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
3	Tiền thu từ đi vay	33	142.120.834.922	93.121.955.254
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.405.622.807)	(81.371.718.076)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**29.715.212.115**	**11.750.237.178**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**(15.807.294.501)**	**7.391.783.186**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**16.123.152.597**	**8.731.369.411**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**315.858.096**	**16.123.152.597**

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động bình quân trong năm: 429 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát , sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trinh xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng , vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ . chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản ; Chưng , tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lãng
Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn
Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng
Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên
Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA
Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn
Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội (tạm ngừng hoạt động từ ngày 23/5/2018)
Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientaine – Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Tại ngày 31/12/2018, Các Công ty công ty con, công ty liên kết của Công ty như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn là Công ty TNHH Việt Trung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản dầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. *Nguyên tắc kế toán*

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. *Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Thời gian khấu hao
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05- 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

TSCĐ vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Năm 2018 Số năm
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	60.416.443	15.919.334.511
Tiền gửi ngân hàng	255.441.653	203.818.086
Tổng	**315.858.096**	**16.123.152.597**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**24.296.086.395**	**27.902.974.709**
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	-	9.285.095.161
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.492.044.000	7.905.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	-	2.890.400.620
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	-	6.501.056.006
Một số đối tượng khác	3.804.042.395	1.321.422.922
Trong đó phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	-	7.905.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	4.999.961.008	6.501.056.006
Tổng	**24.296.086.395**	**27.902.974.709**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**2.380.655.057**	-	**3.292.821.971**	-
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	-	-	197.165.946	-
- Phải thu khác	1.260.889.218		1.544.509.681	
- Tạm ứng	657.175.369	-	1.088.555.874	-
Dài hạn	**2.258.075.980**	-	**1.538.317.663**	-
- Ký cược, ký quỹ	2.258.075.980	-	1.538.317.663	-
Tổng	**4.638.731.037**	-	**4.831.139.634**	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.243.006.997	-	5.541.690.225	-
Trong đó:				Quá hạn trên 3 năm
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	-	-	2.352.606.377
Tổng				**5.243.006.997**

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.522.017.622	-	17.749.261.770	(155.519.774)
Công cụ, dụng cụ	2.049.532.608	-	2.643.618.862	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	21.214.146.549	-	3.305.775.885	-
Thành phẩm	62.813.048.957	-	36.884.798.439	(3.720.115.589)
Hàng hóa	3.522.069.969	-	19.081.869	-
Tổng	**122.124.865.705**	**-**	**60.602.536.825**	**(3.875.635.363)**

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**2.349.301.004**	**9.895.532.832**
Chi phí Khai thác Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	861.194.607	743.429.103
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.522.107	3.696.255.976
Chi phí khác chờ phân bổ	1.393.725.956	599.269.796
Các khoản khác	83.858.334	4.856.577.957
Dài hạn	**17.084.130.437**	**6.803.772.789**
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	945.271.948	1.432.069.711
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.368.693.721	298.385.163
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.204.059.343	2.947.280.215
Chi phí khác chờ phân bổ	1.397.110.492	2.126.037.700
Các khoản khác	5.168.994.933	-
Tổng	**19.433.431.441**	**16.699.305.621**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	**98.919.687.816**	**84.677.064.292**	**7.954.816.824**	**508.822.205**	**1.932.653.469**	**193.993.044.606**
Tăng trong năm	**10.347.643.531**	**5.819.820.181**	**1.332.879.138**	**-**	**-**	**17.500.342.850**
Mua trong năm	541.589.091	1.423.490.909	1.010.160.000	-	-	2.975.240.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.406.177.640	3.854.740.181	293.499.176	-	-	13.554.416.997
Điều chuyển, phân loại lại	399.876.800	541.589.091	29.219.962	-	-	970.685.853
Giảm trong năm	**17.438.069.234**	**361.904.762**	**48.600.456**	**67.192.000**	**-**	**17.915.766.452**
Điều chuyển, phân loại lại	1.014.652.208	361.904.762	48.600.456	67.192.000	-	1.492.349.426
Điều chỉnh giảm do thu hồi đất	2.143.432.426	-	-	-	-	2.143.432.426
Điều chỉnh giảm khác (*)	14.279.984.600	-	-	-	-	14.279.984.600
Số dư tại 31/12/2018	**91.829.262.113**	**90.134.979.711**	**9.239.095.506**	**441.630.205**	**1.932.653.469**	**193.577.621.004**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	**30.698.823.893**	**50.413.800.941**	**3.591.400.219**	**472.458.569**	**1.900.876.851**	**87.077.360.473**
Tăng trong năm	**12.300.243.250**	**6.302.260.041**	**938.600.782**	**6.060.612**	**11.175.000**	**19.558.339.685**
Khấu hao trong năm	11.900.366.450	5.760.670.950	909.380.820	6.060.612	11.175.000	18.587.653.832
Điều chuyển, phân loại lại	399.876.800	541.589.091	29.219.962	-	-	970.685.853
Giảm trong năm	**2.550.545.567**	**361.904.762**	**13.685.760**	**67.192.000**	**-**	**2.993.328.089**
Điều chuyển, phân loại lại	633.573.585	361.904.762	13.685.760	67.192.000	-	1.076.356.107
Điều chỉnh giảm do thu hồi đất	1.202.972.752	-	-	-	-	1.202.972.752
Điều chỉnh giảm khác (*)	713.999.230	-	-	-	-	713.999.230
Số dư tại 31/12/2018	**40.448.521.576**	**56.354.156.220**	**4.516.315.241**	**411.327.181**	**1.912.051.851**	**103.642.372.069**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2018	**68.220.863.923**	**34.263.263.351**	**4.363.416.605**	**36.363.636**	**31.776.618**	**106.915.684.133**
Tại 31/12/2018	**51.380.740.537**	**33.780.823.491**	**4.722.780.265**	**30.303.024**	**20.601.618**	**89.935.248.935**

(*) Giảm tài sản hầm lò chuẩn bị không còn sử dụng.

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 26.467.129.018 VND (tại 31/12/2017: 37.830.092.688 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 56.887.568.331 VND (tại 31/12/2017: 54.046.721414 VND).

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2018	**1.657.158.799**	**556.324.000**		**2.213.482.799**
Tăng trong năm	**-**	**417.874.127**	**128.019.713**	**545.893.840**
Điều chuyển, phân loại lại	-	417.874.127	128.019.713	545.893.840
Giảm trong năm	**545.893.840**	**-**	**-**	**545.893.840**
Điều chuyển, phân loại lại	545.893.840			545.893.840
Số dư tại 31/12/2018	**1.111.264.959**	**974.198.127**	**128.019.713**	**2.213.482.799**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2018	**985.244.026**	**493.128.607**		**1.478.372.633**
Tăng trong năm	**79.502.496**	**392.727.972**	**11.938.301**	**484.168.769**
Khấu hao trong năm	79.502.496	83.575.799	9.847.680	172.925.975
Điều chuyển, phân loại lại		309.152.173	2.090.621	311.242.794
Giảm trong năm	**311.242.794**	**-**	**-**	**311.242.794**
Điều chuyển, phân loại lại	311.242.794			311.242.794
Số dư tại 31/12/2018	**753.503.728**	**885.856.579**	**11.938.301**	**1.651.298.608**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2018	**671.914.773**	**63.195.393**	**-**	**735.110.166**
Tại 31/12/2018	**357.761.231**	**88.341.548**	**116.081.412**	**562.184.191**

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn	-	-	9.142.124.595	9.142.124.595
Nhà máy bột kẽm	11.149.779.826	11.149.779.826	4.361.656.581	4.361.656.581
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.831.282.154	3.831.282.154	3.991.282.154	3.991.282.154
Nhà máy luyện chì	1.538.975.216	1.538.975.216	2.436.761.459	2.436.761.459
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Điểm mỏ chì kẽm Nà Duồng, Tủm Tó	860.207.265	860.207.265	860.207.265	860.207.265
Đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng	778.250.806	778.250.806	778.250.806	778.250.806
Công trình khác	201.585.069	201.585.069	357.192.914	357.192.914
Tổng	**19.949.581.300**	**19.949.581.300**	**23.516.976.738**	**23.516.976.738**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá ghi sổ	Dự phòng	Giá ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**3.132.600.000**	-	**3.132.600.000**	-
Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	26,5%	26,5%	-	-	-	-
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	3.132.600.000	-	3.132.600.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			**13.365.416.075**	-	**13.365.416.075**	**(1.745.650.875)**
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	120.000.000	-
Công ty cổ phần bến xe Nghệ An			13.245.416.075	-	13.245.416.075	(1.745.650.875)
Tổng			**16.498.016.075**	-	**16.498.016.075**	**(1.745.650.875)**

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**22.618.185.754**	**22.618.185.754**	**19.141.322.385**	**19.141.322.385**
Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	-	-	1.329.229.100	1.329.229.100
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	2.649.210.399	2.649.210.399	2.649.385.434	2.649.385.434
Công ty Trường Phong	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923
Phải trả người bán ngắn hạn khác	14.950.338.432	14.950.338.432	10.144.070.928	10.144.070.928
Trong đó phải trả các bên liên quan				
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	2.649.210.399	2.649.210.399	2.649.385.434	2.649.385.434
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**22.618.185.754**	**22.618.185.754**	**19.141.322.385**	**19.141.322.385**

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp	**4.607.874.788**	**25.969.113.221**	**22.716.276.875**	**7.860.711.134**
Thuế giá trị gia tăng	2.545.730.839	4.928.519.701	7.474.250.540	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.371.662	6.709.734	6.709.734	21.371.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.849.231	4.198.970.940	1.184.256.349	4.647.563.822
Thuế thu nhập cá nhân	60.379.056	962.941.204	639.145.786	384.174.474
Thuế tài nguyên	-	8.564.244.590	7.165.022.648	1.399.221.942
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	632.242.167	632.242.167	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	6.312.120.584	5.251.285.350	1.060.835.234
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	347.544.000	363.364.301	363.364.301	347.544.000
Phải thu	**777.498.302**	**505.587.952**	**23.941.000**	**295.851.350**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.265.000	-	23.930.000	117.195.000
Thuế tài nguyên	464.012.136	464.012.136	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	150		-	150
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	41.575.816	41.575.816		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	178.645.200	-	11.000	178.656.200

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**882.397.265**	**120.868.740**
Chi phí lãi vay	682.885.915	-
Các khoản khác	199.511.350	120.868.740
Tổng	**882.397.265**	**120.868.740**

5.14 Phải trả khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**14.170.759.734**	**15.065.717.849**
Kinh phí công đoàn	1.633.952.525	1.479.663.515
Bảo hiểm xã hội	-	134.524.852
Bảo hiểm y tế	21.568.242	59.007.084
Bảo hiểm thất nghiệp	14.811.686	24.053.380
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Phải trả, phải nộp khác	12.146.372.121	13.014.413.858
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)	*500.000.000*	*1.200.000.000*
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	*3.911.834.400*	*3.911.834.400*
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)	*6.739.200.000*	*6.739.200.000*
Đối tượng khác	*995.337.721*	*1.163.379.458*
Dài hạn	**18.000.000**	**18.000.000**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	18.000.000	18.000.000
Tổng	**14.188.759.734**	**15.083.717.849**

(1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.

(2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.

(3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**95.933.650.868**	**95.933.650.868**	**142.120.834.922**	**111.997.254.080**	**65.810.070.026**	**65.810.070.026**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	15.699.964.369	15.699.964.369	28.242.142.784	28.937.293.594	16.395.115.179	16.395.115.179
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2)	29.982.686.499	29.982.686.499	70.879.692.138	70.783.471.966	29.886.466.327	29.886.466.327
Công ty CP Bến xe Quảng Ninh (3)	12.700.000.000	12.700.000.000	12.700.000.000	-	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (4)	16.499.000.000	16.499.000.000	17.099.000.000	600.000.000	-	-
Nguyễn Thanh Hiến (4)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Trần Minh Thành (4)	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.581.219.178	5.581.219.178	5.581.219.178
Nguyễn Thế Hùng (4)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	68.931.507	5.068.931.507	5.068.931.507
Vũ Phi Hổ (4)	3.390.000.000	3.390.000.000	-		3.390.000.000	3.390.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (4)	2.162.000.000	2.162.000.000	2.700.000.000	6.026.337.835	5.488.337.835	5.488.337.835
Vay dài hạn	**2.557.500.000**	**2.557.500.000**	**-**	**814.375.000**	**3.371.875.000**	**3.371.875.000**
- Từ 12 tháng - 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn (5)	2.557.500.000	2.557.500.000	-	814.375.000	3.371.875.000	3.371.875.000
Tổng	**98.491.150.868**	**98.491.150.868**	**142.120.834.922**	**112.811.629.080**	**69.181.945.026**	**69.181.945.026**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Hợp đồng tín dụng số 30/2017-HĐCVHM/NHCT172-KHOANG SAN ngày 22/09/2017 và Hợp đồng tín dụng số 22/2018 -HĐCVHM/NHCT172-KHOANG SAN ngày 02/10/2018. Phương thức cho vay theo hạn mức với hạn mức cho vay 15 tỷ, lãi suất trong từng Giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/788949/HĐTD ngày 08/5/2018. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức, hạn mức cho vay là 30 tỷ,lãi suất xác định trong từng HĐ tín dụng cụ thể . Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng này. Tài sản đảm bảo áp dụng cho HĐ vay theo các HĐ thế chấp số 01/2017/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp quyền khai tháng kháng sản số 01/2015/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp BĐS số 01/2014/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp tài sản số 03/2017/788949/HĐBĐ.

(3) Hợp đồng vay vốn số 07/HĐCV-2018 ngày 17/8/2018, tổng số tiền vay 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 6,5%, mục đich vay phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 08/HĐCV-2018 ngày 26/11/2018, tổng số tiền vay 2.700.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9%, mục đich vay phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 07/HĐCV-2018 ngày 28/12/2018, tổng số tiền vay 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9%, mục đich vay phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tín chấp.

(4) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 9%.

***Vay dài hạn**

(5) Hợp đồng tín dụng số 01.07/2015HĐTDDA/NHCT172-CTCPKSBK ngày 29/07/2015. Số tiền vay 7 tỷ đồng; mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Cải tạo nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/năm tại Vũng Áng, Chợ Đồn, Bắc Kạn; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất thả nổi; Tài sản đảm bảo: Lò luyện chì công suất 15 tấn/ngày, thiết bị chủ thể lò luyện, thiết bị mua bán chủ thể máy sấy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**2.150.989.001**	**1.017.815.253**	**150.999.686.988**
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	3.003.611.439	-	**3.003.611.439**
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.173.364.074	(2.173.364.074)	-	-
Lỗ giao dịch mua tăng tỷ lệ				(3.483.658.496)	(1.017.815.253)	**(4.501.473.749)**
Tăng khác				1.649.477.726		**1.649.477.726**
Số dư tại 31/12/2017	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**15.574.071.618**	**1.147.055.596**	**-**	**151.151.302.404**
Số dư tại 01/01/2018	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**15.574.071.618**	**1.147.055.596**	**-**	**151.151.302.404**
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(8.996.192.491)	-	**(8.996.192.491)**
Số dư tại 31/12/2018	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**15.574.071.618**	**(7.849.136.895)**	**-**	**142.155.109.913**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	**117.377.280.000**	**117.377.280.000**

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	180.630.891.660	182.920.006.383
Tổng	**180.630.891.660**	**182.920.006.383**

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	170.167.022.079	155.362.350.030
Tổng	**170.167.022.079**	**155.362.350.030**

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.154.678	18.395.499
Tổng	**92.154.678**	**18.395.499**

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	5.401.988.558	4.991.048.320
Chi phí hoạt động tài chính khác	(1.745.650.875)	2.397.886.695
Tổng	**3.656.337.683**	**7.388.935.015**

5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí quản lý	**15.926.104.238**	**16.392.059.797**
Chi phí nhân viên quản lý	10.895.145.694	10.268.107.577
Chi phí đồ dùng văn phòng	301.680.218	223.403.708
Chi phí khấu hao TSCĐ	509.915.560	445.692.634
Thuế phí và lệ phí	57.240.698	66.396.437
Chi phí dự phòng	-	1.226.277.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.494.939.804	750.183.298
Chi phí quản lý khác	1.667.182.264	3.411.998.927
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	**(298.683.228)**	**-**
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(298.683.228)	-
Tổng	**15.627.421.010**	**16.392.059.797**

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Lãi từ đền bù giải phóng mặt bằng	1.201.475.634	-
Lãi hoạt động thanh lý tài sản	-	223.844.070
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Thu nhập khác	584.560.886	706.112.028
Tổng	**6.331.491.068**	**5.475.410.646**
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	81.027.975	180.809.000
Lãi chậm nộp	960.148.288	-
Chi phí khác	1.359.801.922	4.854.981.093
Tổng	**2.400.978.185**	**5.035.790.093**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**3.930.512.883**	**439.620.553**

5.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.198.970.940	1.231.066.154
Tổng	**4.198.970.940**	**1.231.066.154**

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm2018	Năm2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**(8.996.192.491)**	**3.003.611.439**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**(8.996.192.491)**	**3.003.611.439**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(766,43)**	**255,89**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	- Sở hữu 25,56% cổ phần - Ông Nguyễn Trần Nhất là ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã.
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	- Sở hữu 17,58% cổ phần
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	- Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hổ	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Thanh Sơn	- Ủy viên Hội đồng Quản trị

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Chế biến quặng	2.475.360.449	2.417.697.749
Ông Mai Thanh Sơn	Vay	-	3.526.337.835
Ông Vũ Phi Hổ	Vay	2.557.500.000	3.390.000.000

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	-	7.905.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Bán quặng	5.197.126.954	6.698.221.952

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	53.970.040.000	22.750.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cho thuê TS	4.545.454.548	4.552.360.004
	Bán vật tư	296.595.453	-

Giao dịch mua	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tuyển quặng	20.450.855.236	17.646.162.545

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	2.577.528.963	2.709.900.061
Tổng		**2.577.528.963**	**2.709.900.061**

6.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là khai và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến ngoại trừ.

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

CPA VIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision

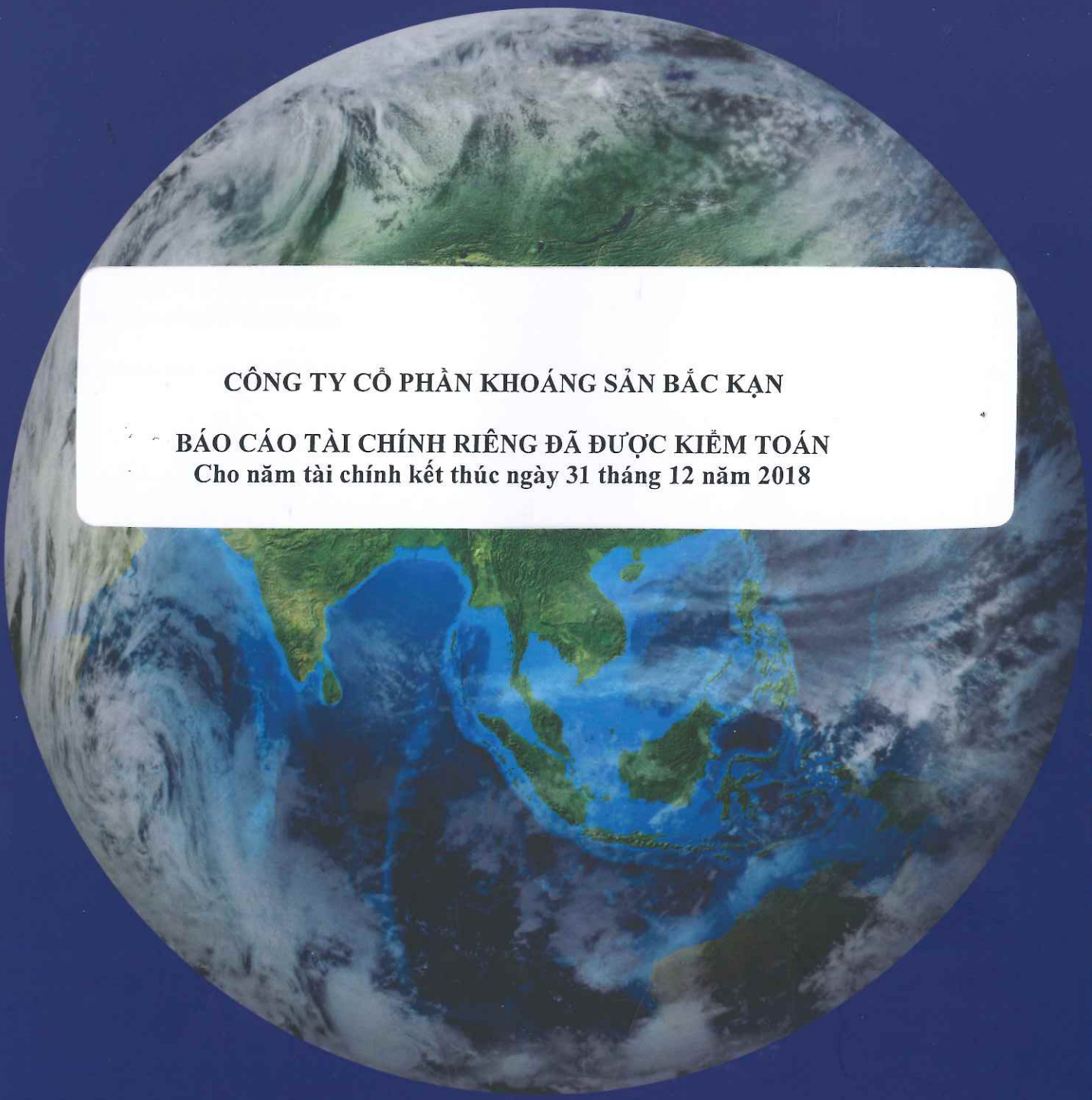

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MOORE STEPHENS
INTERNATIONAL LIMITED
A member of *Members in principal cities throughout the world*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bắc Kạn - Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Phi Hổ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/11/2018
	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/11/2018
	Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Tiến Biền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/12/2018
	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/4/2018

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Đinh Văn Hiến
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2019

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 328 /2019/BCKT-BCTCR/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 28/3/2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào, nên chúng tôi không đủ cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào. Giá trị khoản đầu tư là 4.730.835.820 đồng và đã được Công ty dự phòng là 1.598.235.820 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

MOORE STEPHENS INTERNATIONAL LIMITED
A member of Members in principal cities throughout the world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2018 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc. (i) Đã tham gia chứng kiến kiểm kê tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tuy nhiên một số mã hàng tồn kho là nguyên vật liệu của Công ty chưa thực hiện kiểm kê với giá trị 2.790.464.369 đồng. (ii) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận số dư công nợ của các khoản phải trả người bán với giá trị là 3.224.009.695 đồng (chiếm 31%), số dư phải trả khác chưa có đối chiếu xác nhận 5.194.520.412 (chiếm 35%). Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng cho năm hiện tại.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Đinh Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**146.568.953.523**	**90.793.167.824**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**273.202.963**	**9.706.128.370**
1. Tiền	111		273.202.963	9.706.128.370
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**22.885.262.779**	**27.856.619.491**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.296.086.395	28.028.741.509
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.548.372.459	2.190.335.615
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.283.810.922	3.179.232.592
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(5.243.006.997)	(5.541.690.225)
IV. Hàng tồn kho	**140**	5.5	**121.014.751.908**	**51.352.809.888**
1. Hàng tồn kho	141		121.014.751.908	51.352.809.888
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.395.735.873**	**1.877.610.075**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	2.254.920.563	1.342.698.899
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		140.815.310	56.521.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	478.389.277
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**165.323.323.150**	**168.656.375.006**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**40.592.828.249**	**22.625.618.173**
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	40.592.828.249	22.625.618.173
II. Tài sản cố định	**220**		**84.135.239.006**	**103.932.506.076**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	83.777.477.775	103.447.679.150
- *Nguyên giá*	*222*		*177.821.510.984*	*181.476.227.629*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(94.044.033.209)*	*(78.028.548.479)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	357.761.231	484.826.926
- *Nguyên giá*	*228*		*1.845.379.086*	*1.845.379.086*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.487.617.855)*	*(1.360.552.160)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**19.171.330.494**	**22.668.150.468**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	19.171.330.494	22.668.150.468
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.9**	**16.498.016.075**	**14.752.365.200**
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.368.000.000	10.368.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.365.416.075	13.365.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.441.322.401)	(15.186.973.276)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.925.909.326**	**4.677.735.089**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	4.925.909.326	4.677.735.089
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**311.892.276.673**	**259.449.542.830**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

		MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**140.082.358.117**	**103.379.385.676**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**137.506.858.117**	**99.989.510.676**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	12.417.291.360	10.243.375.138
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.137.736.688	637.775.688
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.465.484.436	4.565.080.075
4.	Phải trả người lao động	314		3.712.454.016	3.536.812.341
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	882.397.265	120.868.740
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	13.881.302.734	14.884.744.447
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	95.933.650.868	65.810.070.026
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	114.243.471
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.575.500.000**	**3.389.875.000**
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.14	18.000.000	18.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	2.557.500.000	3.371.875.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**171.809.918.556**	**156.070.157.154**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.16**	**171.809.918.556**	**156.070.157.154**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*117.377.280.000*	*117.377.280.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.805.671.748	6.065.910.346
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*6.065.910.346*	*1.536.487.221*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*15.739.761.402*	*4.529.423.125*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**311.892.276.673**	**259.449.542.830**

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N 4700149595 - C.T.C.P
TP.BẮC KẠN T.BẮC KẠN

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	180.671.504.522	180.180.842.656
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		180.671.504.522	180.180.842.656
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	148.860.964.578	146.762.621.549
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**31.810.539.944**	**33.418.221.107**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	91.746.521	17.086.328
7.	Chi phí tài chính	22	5.20	3.542.094.212	13.389.538.363
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.401.988.558*	*4.991.048.320*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**5.21**	12.232.552.152	14.239.409.839
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**16.127.640.101**	**5.806.359.233**
11.	Thu nhập khác	31	5.22	6.130.149.146	4.873.701.081
12.	Chi phí khác	32	5.22	2.319.056.905	4.919.571.035
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**5.22**	**3.811.092.241**	**(45.869.954)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**19.938.732.342**	**5.760.489.279**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	4.198.970.940	1.231.066.154
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**15.739.761.402**	**4.529.423.125**

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P - TP BẮC KẠN T. BẮC KẠN

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. ***Lợi nhuận trước thuế***	**01**	**19.938.732.342**	**5.760.489.279**
2. ***Điều chỉnh cho các khoản***			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	18.165.192.661	10.569.633.403
- Các khoản dự phòng	03	(2.158.577.574)	9.510.523.788
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.293.222.155)	(150.722.692)
- Chi phí lãi vay	06	5.401.988.558	4.991.048.320
3. ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**	**40.054.113.832**	**30.680.972.098**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.303.074.270)	(26.586.854.742)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(69.547.698.549)	(3.865.792.583)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18.361.030.697	(1.963.147.834)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.160.395.901)	18.817.141.313
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.807.994.831)	(5.642.982.915)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.184.256.349)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(31.588.275.371)**	**11.439.335.337**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.793.543.980)	(13.515.935.327)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.141.935.308	133.636.364
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.848.800.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	91.746.521	17.086.328
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(7.559.862.151)**	**(16.214.012.635)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	142.120.834.922	93.121.955.254
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.405.622.807)	(81.371.718.076)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**29.715.212.115**	**11.750.237.178**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**(9.432.925.407)**	**6.975.559.880**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**9.706.128.370**	**2.730.568.490**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**273.202.963**	**9.706.128.370**

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P - TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động bình quân trong năm: 429 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát , sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trinh xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng , vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ . chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản ; Chưng , tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lãng
Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn
Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng
Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên
Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA
Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn
Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội (tạm ngừng hoạt động từ ngày 23/5/2018)
Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientaine – Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Tại ngày 31/12/2018, Các Công ty, công ty liên kết của Công ty như sau:

	Hoạt động chính	**Tỷ lệ góp vốn**	**Tỷ lệ biểu quyết**
Công ty con			
Công ty TNHH Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. *Nguyên tắc kế toán*

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. *Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Thời gian khấu hao
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05- 06

TSCĐ vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Năm 2018
	Số năm
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	47.045.808	9.548.017.668
Tiền gửi ngân hàng	226.157.155	158.110.702
Tổng	**273.202.963**	**9.706.128.370**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**24.296.086.395**	**28.028.741.509**
Công ty Cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	-	9.285.095.161
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.492.044.000	7.905.000.000
Công ty CP Đầu từ Thương mại và Du lịch Bó Nặm	-	2.890.400.620
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	-	6.501.056.006
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	3.804.042.395	1.447.189.722
Trong đó phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Đầu từ Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.492.044.000	7.905.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	-	6.501.056.006
Công ty TNHH Việt Trung	48.244.703	125.766.800
Tổng	**24.296.086.395**	**28.028.741.509**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**2.283.810.922**	-	**3.179.232.592**	-
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	-	-	197.165.946	-
- Phải thu khác	1.219.376.123	-	1.530.481.428	-
- Tạm ứng	601.844.329	-	988.994.748	-
Dài hạn	**40.592.828.249**	-	**22.625.618.173**	-
- Ký cược, ký quỹ	1.691.567.241	-	1.480.284.899	-
Công ty TNHH Việt Trung (*)	38.901.261.008	-	21.145.333.274	-
Trong đó phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Việt Trung	38.901.261.008	-	21.145.333.274	-
Tổng	**42.876.639.171**	-	**25.804.850.765**	-

(*) Công ty chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016, lãi suất 0%.

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.243.006.997	-	5.541.690.225	-

Trong đó:

	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	-	-	2.352.606.377
Tổng				**5.243.006.997**

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.864.484.127	-	17.147.286.780	-
Công cụ, dụng cụ	1.597.409.119	-	2.258.805.391	-
Chi phí SX KDDD	21.214.146.549	-	3.305.775.885	-
Thành phẩm	62.812.592.144	-	28.621.859.963	-
Hàng hóa	3.522.069.969	-	19.081.869	-
Tổng	**121.014.751.908**	**-**	**51.352.809.888**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	**94.297.630.776**	**77.182.181.155**	**7.622.132.024**	**441.630.205**	**1.932.653.469**	**181.476.227.629**
Tăng trong năm	**9.142.124.597**	**3.854.740.181**	**293.499.176**	**-**	**-**	**13.290.363.954**
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.142.124.597	3.854.740.181	293.499.176	-	-	13.290.363.954
Giảm trong năm	**16.896.480.143**	**-**	**48.600.456**	**-**	**-**	**16.945.080.599**
Điều chuyển, phân loại lại	473.063.117		48.600.456	-	-	521.663.573
Điều chỉnh giảm do thu hồi đất	2.143.432.426	-	-	-	-	2.143.432.426
Điều chỉnh giảm khác (*)	14.279.984.600	-	-	-	-	14.279.984.600
Số dư tại 31/12/2018	**86.543.275.230**	**81.036.921.336**	**7.867.030.744**	**441.630.205**	**1.932.653.469**	**177.821.510.984**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	**27.345.247.220**	**45.118.442.420**	**3.258.715.419**	**405.266.569**	**1.900.876.851**	**78.028.548.479**
Tăng trong năm	**11.783.095.875**	**5.382.271.755**	**855.523.724**	**6.060.612**	**11.175.000**	**18.038.126.966**
Khấu hao trong năm	11.783.095.875	5.382.271.755	855.523.724	6.060.612	11.175.000	18.038.126.966
Giảm trong năm	**2.008.956.476**	**-**	**13.685.760**	**-**	**-**	**2.022.642.236**
Điều chuyển, phân loại lại	91.984.494	-	13.685.760	-	-	105.670.254
Điều chỉnh giảm do thu hồi đất	1.202.972.752	-	-	-	-	1.202.972.752
Điều chỉnh giảm khác (*)	713.999.230	-	-	-	-	713.999.230
Số dư tại 31/12/2018	**37.119.386.619**	**50.500.714.175**	**4.100.553.383**	**411.327.181**	**1.912.051.851**	**94.044.033.209**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2018	**66.952.383.556**	**32.063.738.735**	**4.363.416.605**	**36.363.636**	**31.776.618**	**103.447.679.150**
Tại 31/12/2018	**49.423.888.611**	**30.536.207.161**	**3.766.477.361**	**30.303.024**	**20.601.618**	**83.777.477.775**

Trong đó:

(*) Giảm tài sản hầm lò chuẩn bị không còn sử dụng.

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 26.467.129.018 VND (tại 31/12/2017: 37.830.092.688 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 48.203.838.641 VND (tại 31/12/2017: 45.362.991.723 VND).

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2018	**1.111.264.959**	**734.114.127**	**1.845.379.086**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	**1.111.264.959**	**734.114.127**	**1.845.379.086**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2018	**674.001.232**	**686.550.928**	**1.360.552.160**
Tăng trong năm	**79.502.496**	**47.563.199**	**127.065.695**
Khấu hao trong năm	79.502.496	47.563.199	127.065.695
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	**753.503.728**	**734.114.127**	**1.487.617.855**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2018	**437.263.727**	**47.563.199**	**484.826.926**
Tại 31/12/2018	**357.761.231**	-	**357.761.231**

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn		-	9.142.124.595	9.142.124.595
Nhà máy bột kẽm	11.149.779.826	11.149.779.826	4.361.656.581	4.361.656.581
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.831.282.154	3.831.282.154	3.991.282.154	3.991.282.154
Nhà máy luyện chì	1.538.975.216	1.538.975.216	2.436.761.459	2.436.761.459
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Điểm mỏ chì kẽm Nà Duồng, Tủm Tó	860.207.265	860.207.265	860.207.265	860.207.265
Công trình khác	201.585.069	201.585.069	286.617.450	286.617.450
Tổng	**19.171.330.494**	**19.171.330.494**	**22.668.150.468**	**22.668.150.468**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2018			01/01/2018		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			**10.368.000.000**	**(10.368.000.000)**	-	**10.368.000.000**	**(10.368.000.000)**	-
Công ty TNHH Việt Trung	100%	100%	10.368.000.000	(10.368.000.000)		10.368.000.000	(10.368.000.000)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**6.205.922.401**	**(3.073.322.401)**	-	**6.205.922.401**	**(3.073.322.401)**	-
Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	26,5%	26,5%	1.475.086.581	(1.475.086.581)	-	1.475.086.581	(1.475.086.581)	-
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	(1.598.235.820)	-	4.730.835.820	(1.598.235.820)	
Đầu tư vào đơn vị khác			**13.365.416.075**	-	-	**13.365.416.075**	**(1.745.650.875)**	-
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	-	120.000.000	-	-
Công ty cổ phần bến xe Nghệ An			13.245.416.075	-	-	13.245.416.075	(1.745.650.875)	-
Tổng			**29.939.338.476**	**(13.441.322.401)**	(*)	**29.939.338.476**	**(15.186.973.276)**	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị dự phòng được trích lập trên khoản lỗ tại Báo cáo tài chính riêng của công ty được đầu tư theo phương pháp vốn chủ.

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**2.254.920.563**	**1.342.698.899**
Chi phí Khai thác Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	861.194.607	743.429.103
Chi phí khác chờ phân bổ	1.393.725.956	599.269.796
Dài hạn	**4.925.909.326**	**4.677.735.089**
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	945.271.948	1.432.069.711
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.368.693.721	298.385.163
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.411.943.657	2.947.280.215
Chi phí khác chờ phân bổ	200.000.000	-
Tổng	**7.180.829.889**	**6.020.433.988**

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**12.417.291.360**	**12.417.291.360**	**10.243.375.138**	**10.243.375.138**
Doanh nghiệp Tư nhân Trung Thành	-	-	1.329.229.100	1.329.229.100
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	2.649.210.399	2.649.210.399	2.417.697.749	2.417.697.749
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quỳnh Trang	700.000.000	700.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Bảo Minh	837.781.424	837.781.424	-	-
Phải trả đối tượng khác	8.230.299.537	8.230.299.537	6.496.448.289	6.496.448.289
Trong đó phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Công ty TNHH tập đoàn Thiên mã	2.475.360.449	2.475.360.449	2.417.697.749	2.417.697.749
Tổng	**12.417.291.360**	**12.417.291.360**	**10.243.375.138**	**10.243.375.138**

5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp	**4.565.080.075**	**24.559.627.856**	**21.659.223.495**	**7.465.484.436**
Thuế giá trị gia tăng	2.545.730.839	4.851.203.701	7.396.934.540	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.371.662	6.709.734	6.709.734	21.371.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.849.231	4.198.970.940	1.184.256.349	4.647.563.822
Thuế thu nhập cá nhân	17.584.343	784.650.169	632.345.786	169.888.726
Thuế tài nguyên	-	8.084.083.640	6.865.802.648	1.218.280.992
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	324.513.787	324.513.787	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	6.309.120.584	5.248.285.350	1.060.835.234
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	347.544.000	375.301	375.301	347.544.000
Phải thu	**478.389.277**	**478.389.277**	**-**	**-**
Thuế tài nguyên	436.813.461	436.813.461	-	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	41.575.816	41.575.816	-	-

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**882.397.265**	**120.868.740**
Chi phí lãi vay	682.885.915	-
Các khoản khác	199.511.350	120.868.740
Tổng	**882.397.265**	**120.868.740**

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**13.881.302.734**	**14.884.744.447**
Kinh phí công đoàn	1.488.149.135	1.447.877.625
Bảo hiểm xã hội	-	110.545.884
Bảo hiểm y tế	-	2.962.700
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.579.220
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Phải trả, phải nộp khác	12.039.098.439	12.966.723.858
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)	*500.000.000*	*1.200.000.000*
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	*3.911.834.400*	*3.911.834.400*
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)	*6.739.200.000*	*6.739.200.000*
Đối tượng khác	*888.064.039*	*1.115.689.458*
Dài hạn	**18.000.000**	**18.000.000**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	18.000.000	18.000.000
Tổng	**13.899.302.734**	**14.902.744.447**

(1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.

(2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.

(3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Vay	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**95.933.650.868**	**95.933.650.868**	**142.120.834.922**	**111.997.254.080**	**65.810.070.026**	**65.810.070.026**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	15.699.964.369	15.699.964.369	28.242.142.784	28.937.293.594	16.395.115.179	16.395.115.179
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2)	29.982.686.499	29.982.686.499	70.879.692.138	70.783.471.966	29.886.466.327	29.886.466.327
Công ty CP bến xe Quảng Ninh (3)	12.700.000.000	12.700.000.000	12.700.000.000	-	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (4)	16.499.000.000	16.499.000.000	17.099.000.000	600.000.000	-	-
Nguyễn Thanh Hiến (4)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Trần Minh Thành (4)	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.581.219.178	5.581.219.178	5.581.219.178
Nguyễn Thế Hùng (4)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	68.931.507	5.068.931.507	5.068.931.507
Vũ Phi Hổ (4)	3.390.000.000	3.390.000.000	-		3.390.000.000	3.390.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (4)	2.162.000.000	2.162.000.000	2.700.000.000	6.026.337.835	5.488.337.835	5.488.337.835
Vay dài hạn	**2.557.500.000**	**2.557.500.000**	**-**	**814.375.000**	**3.371.875.000**	**3.371.875.000**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn (5)	2.557.500.000	2.557.500.000	-	814.375.000	3.371.875.000	3.371.875.000
Tổng	**98.491.150.868**	**98.491.150.868**	**142.120.834.922**	**112.811.629.080**	**69.181.945.026**	**69.181.945.026**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Hợp đồng tín dụng số 30/2017-HĐCVHM/NHCT172-KHOANG SAN ngày 22/09/2017 và Hợp đồng tín dụng số 22/2018 -HĐCVHM/NHCT172-KHOANG SAN ngày 02/10/2018. Phương thức cho vay theo hạn mức với hạn mức cho vay 15 tỷ, lãi suất trong từng Giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/788949/HĐTD ngày 08/5/2018. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức, hạn mức cho vay là 30 tỷ,lãi suất xác định trong từng HĐ tín dụng cụ thể . Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng này. Tài sản đảm bảo áp dụng cho HĐ vay theo các HĐ thế chấp số 01/2017/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp quyền khai tháng kháng sản số 01/2015/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp BĐS số 01/2014/788949/HĐBĐ, HĐ thế chấp tài sản số 03/2017/788949/HĐBĐ.

(3) Hợp đồng vay vốn số 07/HĐCV-2018 ngày 17/8/2018, tổng số tiền vay 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 6,5%, mục đich vay phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 08/HĐCV-2018 ngày 26/11/2018, tổng số tiền vay 2.700.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9%, mục đich vay phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 07/HĐCV-2018 ngày 28/12/2018, tổng số tiền vay 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9%, mục đich vay phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tín chấp.

(4) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 9%.

***Vay dài hạn**

(5) Hợp đồng tín dụng số 01.07/2015HĐTDDA/NHCT172-CTCPKSBK ngày 29/07/2015. Số tiền vay 7 tỷ đồng; mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Cải tạo nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/năm tại Vũng Áng, Chợ Đồn, Bắc Kạn; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất thả nổi; Tài sản đảm bảo: Lò luyện chì công suất 15 tấn/ngày, thiết bị chủ thể lò luyện, thiết bị mua bán chủ thể máy sấy.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**13.400.707.544**	**2.173.364.074**	**150.004.246.808**
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.529.423.125	**4.529.423.125**
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.173.364.074	(2.173.364.074)	-
Tăng khác				1.536.487.221	**1.536.487.221**
Số dư tại 31/12/2017	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**15.574.071.618**	**6.065.910.346**	**156.070.157.154**
Số dư tại 01/01/2018	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**15.574.071.618**	**6.065.910.346**	**156.070.157.154**
Lãi trong năm này	-	-	-	15.739.761.402	**15.739.761.402**
Số dư tại 31/12/2018	**117.377.280.000**	**17.052.895.190**	**15.574.071.618**	**21.805.671.748**	**171.809.918.556**

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	**117.377.280.000**	**117.377.280.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**11.737.728**	**11.737.728**
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	180.671.504.522	180.180.842.656
Tổng	**180.671.504.522**	**180.180.842.656**

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	148.860.964.578	146.762.621.549
Tổng	**148.860.964.578**	**146.762.621.549**

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.746.521	17.086.328
Tổng	**91.746.521**	**17.086.328**

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	5.401.988.558	4.991.048.320
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.859.894.346)	8.398.490.043
Tổng	**3.542.094.212**	**13.389.538.363**

5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí quản lý	**12.531.235.380**	**14.239.409.839**
Chi phí nhân viên quản lý	8.400.732.546	8.763.588.951
Chi phí đồ dùng văn phòng	158.214.666	192.974.596
Chi phí khấu hao TSCĐ	459.625.420	414.075.939
Thuế phí và lệ phí	44.316.595	66.396.437
Chi phí dự phòng	-	1.226.277.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.997.199.029	667.183.891
Chi phí bằng tiền khác	1.471.147.124	2.908.912.809
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	**(298.683.228)**	**-**
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(298.683.228)	-
Tổng	**12.232.552.152**	**14.239.409.839**

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Lãi thanh lý tài sản	-	133.636.364
Lãi từ đền bù giải phóng mặt bằng	1.201.475.634	-
Thu nhập khác	383.218.964	194.610.169
Tổng	**6.130.149.146**	**4.873.701.081**
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	81.027.975	180.809.000
Lãi chậm nộp, phạt thuế	892.968.123	-
Chi phí khác	1.345.060.807	4.738.762.035
Tổng	**2.319.056.905**	**4.919.571.035**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**3.811.092.241**	**(45.869.954)**

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**19.938.732.342**	**5.760.489.279**
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.056.122.357	2.761.811.022
Chi phí không hợp lý	*1.056.122.357*	*2.761.811.022*
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	2.366.969.531
Bù lỗ	-	*2.366.969.531*
Thu nhập chịu thuế	20.994.854.699	6.155.330.770
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	4.198.970.940	1.231.066.154
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**4.198.970.940**	**1.231.066.154**

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.577.532.279	55.432.128.767
Chi phí nhân công	51.617.778.700	45.607.257.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.165.192.661	10.569.633.403
Chi phí dự phòng	(298.683.228)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.844.681.007	43.920.938.540
Chi phí khác bằng tiền	17.536.751.443	13.581.048.393
Tổng	**277.443.252.862**	**169.111.006.449**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	- Sở hữu 25,56% cổ phần BKC - Ông Nguyễn Trần Nhất là ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã.
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	- Sở hữu 17,58% cổ phần BKC
Công ty TNHH Việt Trung	- Công ty con
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	- Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hổ	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Thanh Sơn	- Ủy viên Hội đồng Quản trị

Các khoản phải trả	Giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Chế biến quặng	2.475.360.449	2.417.697.749
Mai Thanh Sơn	Vay	-	3.526.337.835
Vũ Phi Hổ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000

Các khoản phải thu	Giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	-	7.905.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Bán quặng	5.197.126.954	6.698.221.952
Công ty TNHH Việt Trung	Bán vật tư, thành phẩm	48.244.703	125.766.800
	Cấp vốn	38.901.261.008	21.145.333.274

Giao dịch mua	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Việt Trung	Mua quặng	19.520.996.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tuyển quặng	20.450.855.236	17.646.162.545

Giao dịch bán	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	53.970.040.000	22.750.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cho thuê TS	4.545.454.548	4.552.360.004
	Bán vật tư	296.595.453	-
Công ty TNHH Việt Trung	Bán vật tư	40.612.862	-

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	2.577.528.963	2.709.900.061
Tổng		**2.577.528.963**	**2.709.900.061**

6.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là khai và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến ngoại trừ.

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết	Trần Thị Yến	Đinh Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Mã số doanh nghiệp: 4700149595
Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: 0209.3812399 Website: backanco.com Email:bkc@backanco.com

……, ngày tháng 04 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/Tổ chức:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/MSDN: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp:……...

Số cổ phần sở hữu: ……cổ phần

(Bằng chữ:.....)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Họ và tên:: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp:……...

Số cổ phần được ủy quyền:.....

(Bằng chữ:.....)

Trường hợp quý Cổ đông không tìm được người để ủy quyền, có thể ủy quyền cho 01 (một) thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong danh sách dưới đây (*đánh "X" vào ô người được chọn uỷ quyền*):

- Ông Vũ Phi Hổ, Chủ tịch Hội đồng quản trị ☐
- Ông Đinh Văn Hiến, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc ☐
- Ông Nguyễn Trần Nhất, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc ☐
- Ông Mai Thanh Sơn, Thành viên HĐQT ☐
- Ông Nguyễn Huy Hoàn, Thành viên HĐQT ☐

Số cổ phần được ủy quyền: .....

(Bằng chữ:.....)

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại.

- Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn; đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Công ty.

BÊN ỦY QUYỀN	**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))	*(Ký và ghi rõ họ tên)*